



## Phụ lục

### ★ Hãy thử nhờ tư vấn và thử hỏi xem



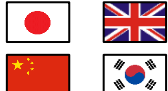

※Việc nhờ tư vấn, hỏi ở các cơ quan đều miễn phí.

※Ở trang đầu của trang web các cơ quan có đường link dẫn đến trang được dịch ra tiếng nước ngoài.

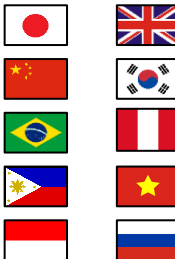

#### ■ Tư vấn về việc xin visa, tư cách lưu trú

Cơ quan	Ngôn ngữ hỗ trợ	
Cục Quản lý Lưu trú Xuất nhập cảnh Nagoya <a href="http://www.immi-moj.go.jp/soshiki/kikou/nagoya.html">http://www.immi-moj.go.jp/soshiki/kikou/nagoya.html</a>		






#### ■ Tư vấn liên quan đến công việc

Cơ quan	Ngôn ngữ hỗ trợ	
Trung tâm dịch vụ tuyển dụng người nước ngoài Nagoya <a href="https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-foreigner/">https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-foreigner/</a>		
Cục lao động Aichi (cũng có hướng dẫn các địa phương) <a href="https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-roudoukyoku/">https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-roudoukyoku/</a>		

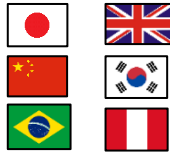





#### ■ Tư vấn về bằng lái xe, tai nạn, sự cố và tội phạm

Cơ quan	Ngôn ngữ hỗ trợ	
Cảnh sát tỉnh Aichi (cũng có hướng dẫn các địa phương) <a href="https://www.pref.aichi.jp/police/other-languages/vietnamese.html">https://www.pref.aichi.jp/police/other-languages/vietnamese.html</a>		

■ Thông tin các sự kiện trong khu vực, tư vấn sinh hoạt

Cơ quan	Ngôn ngữ hỗ trợ	
<p>Tòa nhà Ủy ban hành chính tỉnh Aichi (cũng có hướng dẫn các địa phương)</p> <p><a href="https://www.pref.aichi.jp/global/vt/index.html">https://www.pref.aichi.jp/global/vt/index.html</a></p>		
<p>Tòa nhà Ủy ban hành Chính thành phố Nagoya (cũng có hướng dẫn các quận)</p> <p><a href="http://www.city.nagoya.jp/it/index.html">http://www.city.nagoya.jp/it/index.html</a></p>		
<p>Hướng dẫn du lịch chính thức của tỉnh Aichi “Aichi Now” OFFICIAL SITE FOR TOURISM AICHI</p> <p><a href="https://www.aichi-now.jp/">https://www.aichi-now.jp/</a></p>		





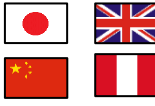



■ Thông tin các sự kiện giao lưu, lớp học tiếng Nhật, và tư vấn khi gặp rắc rối

Cơ quan	Ngôn ngữ hỗ trợ	
<p>Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi (AIA) (cũng có hướng dẫn các địa phương)</p> <p><a href="http://www2.aia.pref.aichi.jp/topj/index.html">http://www2.aia.pref.aichi.jp/topj/index.html</a></p>		
<p>Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi (AIA) Trung tâm đa văn hóa Aichi ※ Tư vấn cuộc sống</p> <p><a href="http://www2.aia.pref.aichi.jp/sodan/j/sodancorner.html">http://www2.aia.pref.aichi.jp/sodan/j/sodancorner.html</a></p>		
<p>Trung tâm Quốc tế Nagoya (NIC)</p> <p><a href="https://www.nic-nagoya.or.jp/tieng_viet/">https://www.nic-nagoya.or.jp/tieng_viet/</a></p>		

## ★ Hãy học tiếng Nhật

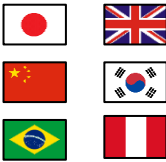

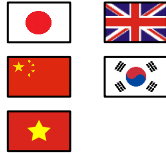

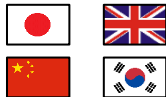

■ Những nơi có thể học tiếng Nhật trong tỉnh Aichi

(tính đến tháng 11 năm 2019)





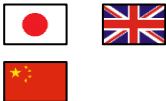







Tên đoàn thể	Học phí	Ngôn ngữ hỗ trợ	
Lớp học tiếng Nhật tại Aichi International Plaza <a href="http://www2.aia.pref.aichi.jp/koryu/j/kyoshitsu/main.html">http://www2.aia.pref.aichi.jp/koryu/j/kyoshitsu/main.html</a>	2000Yên (1 học kỳ)		
Trung tâm quốc tế Nagoya (NIC) Nihongo no kai <a href="https://www.nic-nagoya.or.jp/nihongonokai/">https://www.nic-nagoya.or.jp/nihongonokai/</a>	2500Yên (1 học kỳ) + 500Yên~ (tiền sách giáo khoa)		
Iroha Nihongo no Kai <a href="http://irohanihongonokai.web.fc2.com/">http://irohanihongonokai.web.fc2.com/</a>	150Yên (1 lần)		
Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Toyoya (TIA) Danh sách lớp dạy tiếng Nhật trong thành phố Toyota <a href="http://www.nihongo-toyota.jp/vietnam_index.html">http://www.nihongo-toyota.jp/vietnam_index.html</a>			

※ Các thành phố, thị trấn, làng mạc của tỉnh Aichi đều có Hiệp hội giao lưu quốc tế. Trong các Hiệp hội giao lưu quốc tế có hướng dẫn về lớp dạy tiếng Nhật, nên các bạn hãy tìm xem!

■ Sách học tiếng Nhật dùng trong công việc

Tựa đề sách	Nhà xuất bản	Ngôn ngữ hỗ trợ	
<p>『はたらくための日本語』シリーズ  <small>にほんご</small>                      きゃりあぷらん にんぐ                      ・キャリアプランニング                      しよくば こみゆにけーしょん                      ・職場のコミュニケーション I～III                      しよくば ごい ひょうげん                      ・職場の語彙と表現 I～III</p>	Learn-S Co., Ltd.		
<p>『にほんごで働く！』  <small>はたら</small>                      びじねす にほんご じかん                      ビジネス日本語30時間』</p>	3A corporation		
<p>『初級が終わったら始めよう』  <small>しよきゅう お はじ</small>                      しん けいごとれー にんぐ                      新・にほんご敬語トレーニング』</p>	ASK Publishing Co., Ltd.		

■ Phương pháp học tiếng Nhật trên mạng (miễn phí)

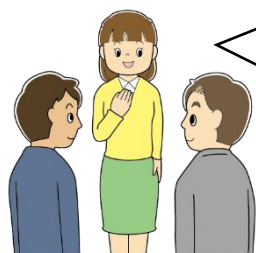
Trang web, ứng dụng	Nội dung	Ngôn ngữ hỗ trợ	
<p>U-biq <small>おんらいん</small>                      オンライン  <small>にほんごがくしゅう</small>                      日本語学習</p>	Có thể luyện tập ngữ pháp và JLPT trên mạng cho trình độ nhập môn đến trung cấp		
<p>NHK                      NEWS WEB EASY</p>	Trang web có thể luyện “nghe, đọc” tin tức tiếng Nhật đơn giản		
<p>Tae Kim’s Guide to Learning JAPANESE</p>	Ứng dụng có thể luyện tập toàn diện về chữ, từ ngữ, ngữ pháp		
<p>imiwa?                      (iPhone、iPad用)</p>	Ứng dụng từ điển tiện lợi có thể sử dụng ngay cả khi không kết nối mạng		
<p>Kanji Draw  <small>あんどろいどよう</small>                      (アンドロイド用)</p>	Ứng dụng có thể luyện viết chữ Hán		
<p>Kanji Draw                      (iPhone、iPad用)</p>	Ứng dụng có thể luyện viết chữ Hán		

■ <sup>にほん</sup>日本（<sup>あいちけん</sup>愛知県）<sup>せいかつ</sup>で生活するための <sup>ひょうげん</sup>ことばと表現

・<sup>ひょうげん</sup>あいさつ、表現

<p>おはよう（<sup>ございま</sup>す）</p>		<p>おやすみ（<sup>なさい</sup>）</p>	
<p>こんにちは</p>		<p>いただきます</p>	
<p>こんばんは</p>		<p>ごちそうさま（<sup>でした</sup>）</p>	
<p><sup>げんき</sup>お元気ですか？</p>		<p>A: いきます B: 行ってらっしゃい</p>	 <p>A B</p>
<p>じゃ、また（<sup>あした</sup>明日）</p>		<p>A: ただいま B: おかえり（<sup>なさい</sup>）</p>	 <p>A B</p>
<p>ありがとう（<sup>ございま</sup>す）</p>		<p>A: いらっしゃい B: おじゃまします / <sup>しつれい</sup>失礼します</p>	 <p>A B</p>
<p>・ごめんなさい ・すみません ・<sup>もう</sup>申し訳ありません</p>		<p>わかりません</p>	
<p><sup>だいじょうぶ</sup>大丈夫です</p>		<p>わかりました</p>	

じ こしょうかい  
・自己紹介



はじめまして。わたしは( <sup>なまえ</sup>名前 )です。

- ・( <sup>くに</sup>国 )から <sup>き</sup>来ました。
- ・( <sup>くに</sup>国 ) <sup>しゅっしん</sup>出身です。
- ・( <sup>くに</sup>国 ) <sup>じん</sup>人です。

どうぞよろしく<sup>ねが</sup>お願いします。

すうじ  
・数字

0	ぜろ・れい				
1	いち				
2	に	20	にじゅう	200	にひゃく
3	さん	30	さんじゅう	300	さんびゃく
4	よん/し	40	よんじゅう	400	よんひゃく
5	ご	50	ごじゅう	500	ごひゃく
6	ろく	60	ろくじゅう	600	ろっぴゃく
7	なな/しち	70	ななじゅう	700	ななひゃく
8	はち	80	はちじゅう	800	はっぴゃく
9	きゅう	90	きゅうじゅう	900	きゅうひゃく
10	じゅう	100	ひゃく	1000	せん


かぞ かた  
・数え方

?	いくら	いくつ/なんこ	なんまい	なんぼん	なんにん
1	いちえん	ひとつ/いっこ	いちまい	いっぽん	ひとり
2	にえん	ふたつ/にこ	にまい	にほん	ふたり
3	さんえん	みっつ/さんこ	さんまい	さんぼん	さんにん
4	よえん	よっつ/よんこ	よんまい	よんぼん	よにん
5	ごえん	いっつ/ごこ	ごまい	ごほん	ごにん
6	ろくえん	むっつ/ろっこ	ろくまい	ろっぽん	ろくにん
7	ななえん	ななつ/ななこ	ななまい	ななぼん	ななにん
8	はちえん	やっつ/はちこ	はちまい	はっぽん	はちにん
9	きゅうえん	ここのつ/きゅうこ	きゅうまい	きゅうほん	きゅうにん
10	じゅうえん	とお/じゅっこ	じゅうまい	じゅっぽん	じゅうにん

ようび  
・曜日

?	何曜日	なんようび
①	日曜日	にちようび
②	月曜日	げつようび
③	火曜日	かようび
④	水曜日	すいようび
⑤	木曜日	もくようび
⑥	金曜日	きんようび
⑦	土曜日	どようび

ねん がつ 2019年 10月						
①日	②月	③火	④水	⑤木	⑥金	⑦土
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		



つき  
・月

?	なんがつ				
1月	いちがつ	5月	ごがつ	9月	くがつ
2月	にがつ	6月	ろくがつ	10月	じゅうがつ
3月	さんがつ	7月	しちがつ	11月	じゅういちがつ
4月	しがつ	8月	はちがつ	12月	じゅうにがつ

にち  
・日

?	なんにち				
1日	ついたち	11日	じゅういちにち	21日	にじゅういちにち
2日	ふつか	12日	じゅうににち	22日	にじゅうににち
3日	みっか	13日	じゅうさんにち	23日	にじゅうさんにち
4日	よっか	14日	じゅうよっか	24日	にじゅうよっか
5日	いつか	15日	じゅうごにち	25日	にじゅうごにち
6日	むいか	16日	じゅうろくにち	26日	にじゅうろくにち
7日	なのか	17日	じゅうしちにち	27日	にじゅうしちにち
8日	ようか	18日	じゅうはちにち	28日	にじゅうはちにち
9日	ここのか	19日	じゅうくにち	29日	にじゅうくにち
10日	とおか	20日	はつか	30日	さんじゅうにち
				31日	さんじゅういちにち

ねん  
・年

?	なんねん		なんねん		なんねん	
せいれき 西暦	げんごう 元号	せいれき 西暦	げんごう 元号	せいれき 西暦	げんごう 元号	せいれき 西暦
2020年	令和2年	2007年	平成19年	1993年	平成5年	
2019年	令和元年 (平成31年)	2006年	平成18年	1992年	平成4年	
		2005年	平成17年	1991年	平成3年	
2018年	平成30年	2004年	平成16年	1990年	平成2年	
2017年	平成29年	2003年	平成15年	1989年	平成元年	
2016年	平成28年	2002年	平成14年		昭和64年)	
2015年	平成27年	2001年	平成13年	1988年	昭和63年	
2014年	平成26年	2000年	平成12年	1987年	昭和62年	
2013年	平成25年	1999年	平成11年	1986年	昭和61年	
2012年	平成24年	1998年	平成10年	1985年	昭和60年	
2011年	平成23年	1997年	平成9年	1984年	昭和59年	
2010年	平成22年	1996年	平成8年	1983年	昭和58年	
2009年	平成21年	1995年	平成7年	1982年	昭和57年	
2008年	平成20年	1994年	平成6年	1981年	昭和56年	

じかん  
・時間

?	なんじ	5:00	ごじ	10:00	じゅうじ
1:00	いちじ	6:00	ろくじ	11:00	じゅういちじ
2:00	にじ	7:00	しちじ	12:00	じゅうにじ
3:00	さんじ	8:00	はちじ	1:30	いちじさんじゅうつぷん/ いちじはん
4:00	よじ	9:00	くじ		

?	なんぷん	:05	ごぷん	:10	じゅうぷん
:01	いっぷん	:06	ろっぷん	:15	じゅうごぷん
:02	にぷん	:07	ななぷん	:20	にじゅうぷん
:03	さんぷん	:08	はちぷん/はっぷん	:30	さんじゅうぷん
:04	よんぷん	:09	きゅうぷん	:45	よんじゅうごぷん



き かん  
・期間

	じ かん ～時間	にち かん ～日 (間)	しゅうかん ～週間	げつ かん ～か月 (間)	ねん かん ～年 (間)
?	なんじかん	なんにち(かん)	なんしゅうかん	なんかげつ(かん)	なんねん(かん)
1	いちじかん	いちにち	いっしゅうかん	いっかげつ(かん)	いちねん(かん)
2	にじかん	ふつか(かん)	にしゅうかん	にかげつ(かん)	にねん(かん)
3	さんじかん	みっか(かん)	さんしゅうかん	さんかげつ(かん)	さんねん(かん)
4	よじかん	よっか(かん)	よんしゅうかん	よんかげつ(かん)	よねん(かん)
5	ごじかん	いつか(かん)	ごしゅうかん	ごかげつ(かん)	ごねん(かん)
6	ろくじかん	むいか(かん)	ろくしゅうかん	ろっかげつ(かん)/ はんとし(かん)	ろくねん(かん)
7	しちじかん/ ななじかん	なのか(かん)	ななしゅうかん	ななかげつ(かん)	ななねん(かん)
8	はちじかん	ようか(かん)	はっしゅうかん	はちかげつ(かん)	はちねん(かん)
9	くじかん	ここのか(かん)	きゅうしゅうかん	きゅうかげつ(かん)	きゅうねん(かん)
10	じゅうじかん	とおか(かん)	じゅうしゅうかん	じゅうかげつ(かん)	じゅうねん(かん)

ほうげん  
・方言



※ 尾張弁 → 名古屋とその周辺  
三河弁 → 豊田、岡崎、豊橋など

あいちけん ほうげん 愛知県の方言	ひょうじゅんご 標準語
い 言ったぎゃあ・言ったがや・言ったがね (尾張) い 言ったじゃん (三河)	い 言いましたよ・言ったよ
そうだぎゃあ・そうだがや・そうだがね (尾張) ほだらあ (三河)	そうでしょう・そうだろう
た 食べやあ (尾張) / た 食べりん (三河)	た 食べなさい
はよ いこまい (尾張/三河)	はや い 行きましょう・行こう
まわし (を) する (尾張)	じゅんび 準備 (を) する
つくえ 机をつる (尾張/三河)	つくえ はこ 机を 運ぶ
かぎ 鍵を かう (尾張/三河)	かぎ 鍵を かける
(ごみを) ほかる (尾張/三河)	(ごみを) す 捨てる
きゃく (お客さんが) みえる (尾張/三河)	(お客さんが) いらっしやる (=来る・いる)
からだ (体が) えらい (尾張/三河)	つか 疲れた
いかん (尾張/三河)	だめだ
やらないかん・やらんといかん (尾張/三河)	やらなければならない
どえらい〜・どえりゃあ〜・でえら〜 (尾張)	たいへん 大変〜・とても〜・すご〜
ほんだで、〜 (尾張) ほいだで、〜・だもんで〜 (三河)	だから、〜
たわけ・たあけ (尾張/三河)	ばか